

Thánh Giác Thượng nhân soạn

DUY TÍN SAO

唯信鈔

Việt dịch: Quảng Minh

DẪN NHẬP

Duy Tín Sao (唯信鈔) có 1 quyển, do ngài Thánh Giác (1167- 1235)¹ của Nhật Bản soạn, được thu vào Đại Chánh Tạng, tập 83, số 2675. Đây là cuốn sách được chính Thân Loan Thánh nhân sao chép nhiều lần, đưa cho các học trò của mình và giới thiệu cho họ, đồng thời nó cũng có ảnh hưởng rất lớn đến tác giả Thán Dị Sao (歎異抄). Nội dung trình bày ý nghĩa trọng yếu của sự niệm Phật cầu vãng sanh. Sau khi Tổ Nguyên Không (Pháp Nhiên) viên tịch, đối với giáo nghĩa Tịnh độ có rất nhiều quan điểm khác nhau, như Nhất niệm vãng sanh, Đa niệm vãng sanh, v.v., nên ngài Thánh Giác mới chép lại nghĩa chân thực của Thầy mình truyền lại để bài trừ những thiên chấp đó mà soạn thành sách này, mong có thể dẫn mọi người vào chánh tín. Về các bản chú thích sách này thì có: Duy Tín Sao Văn Ý (唯信鈔文意), 1 quyển; Duy Tín Sao Nghi (唯信鈔儀), 1 quyển; Duy Tín Sao Chú Giải (唯信鈔註解), 7 quyển.

Thánh Giác Pháp Ấn cùng với Luật sư Long Khoan là những đệ tử được Pháp Nhiên Thượng nhân rất tin tưởng. Trong cuốn sách này, Thánh Giác trình bày những yếu nghĩa của “Niệm Phật vãng sanh” mà ông kế thừa từ bậc Thầy của mình, và giải thích rằng, chỉ có tín tâm là chìa khóa để thực hành niệm Phật, như tiêu đề của cuốn sách đã nêu.

¹ Thánh Giác (聖覺, 1167-1235): Vị tăng của Thiên Thai tông sống vào thời đại Bình An và Liêm Thương, là pháp huynh của Thân Loan Thánh nhân, cháu của Đăng Nguyên Thông Hiến, cha là Trường Hiến Pháp Ấn. Sư cùng thân phụ mở dòng An Cư Viện để truyền giáo, cũng được gọi là Pháp Ấn An Cư Viện. Sư xuất gia ở Tỷ Duệ Sơn, theo học với Tĩnh Nghiêm Trúc Lâm Phòng ở Đông Tháp Bắc Cốc, kế thừa hai dòng Huệ Tâm và Đàn Na về sau. Sư trụ ở An Cư Viện thuộc Trúc Lâm Viện, dốc sức thuyết kinh giảng đạo. Và sau, Sư thờ Pháp Nhiên làm thầy, quay về với Tịnh độ giáo. Sư soạn Duy Tín Sao để khuyên Niệm Phật Tha Lực. Sư tịch năm Gia Chân (1235), thọ 69 tuổi.

Nửa đầu cuốn sách bắt đầu bằng việc giải thích, có hai môn đi vào Phật đạo: Thánh đạo môn và Tịnh độ môn, và Tịnh độ môn phù hợp nhất cho chúng sanh trong thời kỳ Mạt pháp. Trong Tịnh độ môn chia ra hai loại thực hành vãng sanh: một là, Chư hành vãng sanh, tức là nguyện vãng sanh bằng chư hành; hai là, Niệm Phật vãng sanh, tức là nguyện vãng sanh bằng xưng danh niệm Phật. Tư lực chư hành thì khó được vãng sanh, còn tha lực niệm Phật thì dễ vãng sanh bởi nương tựa hoàn toàn vào bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà. Có hai sự thực hành liên quan đến Niệm Phật vãng sanh: Chuyên tu và Tạp tu, cả hai đều tin tưởng vào bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, tuy nhiên, chỉ có Nhất hạnh niệm Phật của sự chuyên tu là thù thắng, vì nó đầy đủ ba tín tâm: Chí thành tâm, Thâm tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm.

Ở nửa sau cuốn sách, tác giả giải thích rõ ràng bốn điểm còn tranh cãi: (1) Niệm Phật khi lâm chung và niệm Phật lúc bình thường; (2) Nguyện lực của Đức Phật A Di Đà và tội nghiệp của chúng sanh trong quá khứ; (3) Niệm Phật và túc thiện; (4) Những hoài nghi về nhất niệm và đa niệm. Bốn điểm này được phân tích rõ ràng để quyết định lựa chọn.

Nói cách khác, nửa đầu cuốn sách là phần Hiển chánh, còn nửa sau là phần Phá tà. Thân Loan Thánh nhân rất tôn trọng cuốn sách này từ thời ông còn sống ở vùng Kanto và ông thường khuyên các học trò của mình nên đọc kỹ cuốn sách này. Hơn nữa, sau khi trở về Kyoto, ông đã viết một bài chú thích cho cuốn sách này, tựa đề Duy Tín Sao Văn Ý, để thuyết minh thêm ý nghĩa của nó.

PL.2567, San Francisco, 10/3/2024

Chuyển dịch nhân Đại tướng của Mẹ

Phật tử Quảng Minh

DUY TÍN SAO

No. 2675

An Cư Viện, Pháp Ân Thánh Giác Thượng nhân trú tác.

Pháp sư Tịnh Từ dịch sang Hán văn.

Việt dịch: Quảng Minh.

I. Thánh Tịnh nhị môn

(1) Tổng nêu

Nghĩ về sự xuất ly sanh tử, và con đường dẫn đến Phật quả, có 2 con đường:

1. Thánh đạo môn; 2. Tịnh độ môn.

(2) Thánh đạo môn

Thánh đạo môn: ở tại thế giới Ta Bà này, lập hạnh tích công, nỗ lực chứng đắc đạo quả ở hiện đời.

Cái gọi là những vị thực hành Chân ngôn đều nghĩ đến địa vị “tức thân đăng Đại giác” và những vị chuyên tu Pháp Hoa đều muốn chứng quả “hiện sanh đắc lục căn [thanh tịnh]”.

Dù biết bản ý của giáo pháp, nhưng đến thời mạt pháp và đời ngũ trược, người chứng đắc ngay trong đời này, thì trong ức ức người, khó có được một người. Chính vì vậy, những người tu các pháp môn mà muốn chứng đắc ngay nơi thân này ở đời này, họ tự khởi tâm thôi lui và khuất phục; hoặc trông chờ Đức Từ Tôn hạ sanh, hướng về bình minh của năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau²;

² Kinh Bồ Tát Xử Thai, No. 384, Trúc Phật Niệm dịch, quyển 2, phẩm Tam Thế Đăng: “Bồ tát Di Lạc nên biết, Như Lai thọ ký cho ông năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm (5.67 tỷ năm) sau sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bên gốc cây Thọ vương.”

hoặc xa thì mong mỗi một vị Phật xuất thế ở tương lai; hoặc nhiều đời nhiều kiếp làm đám mây lưu chuyển trong đêm dài sanh tử; hoặc gần thì cầu nguyện vùng đất linh thiêng như Linh Sơn, Bồ Đà Lạc; hoặc khao khát quả báo nhỏ ở thiên thượng, nhân gian.

Sự kết duyên [với Phật pháp] dẫu đáng tôn kính, nhưng sự tốc chứng cơ hồ không có gì cả. Sở nguyện vẫn còn ở trong tam giới, sở cầu lại là quả báo luân hồi. Vì sao chúng ta tránh né một số hành nghiệp và tuệ giải để tìm kiếm quả báo nhỏ ư? Quả thực là chúng ta cách Đức Phật đã lâu xa, lý chứng sâu kín làm sao đạt được!³

(3) Tịnh độ môn

(a) Cơ giáo tương ưng, hai loại vãng sanh

Tịnh độ môn: hồi hướng hành nghiệp ở đời này, nguyện vãng sanh Tịnh độ ở đời sau; nơi Tịnh Độ đầy đủ Bồ tát hạnh, để thành tựu Phật quả.

Tịnh độ môn phù hợp căn cơ thời mạt pháp, thật là phương tiện thiện xảo. Một môn này lại chia làm 2 loại: 1. Chư hành vãng sanh; 2. Niệm Phật vãng sanh.

(b) Chư hành vãng sanh

Chư hành vãng sanh: hoặc hiếu thuận với cha mẹ, hoặc phụng sự Sư trưởng, hoặc giữ 5 giới, 8 giới, hoặc hành bố thí, nhẫn nhục, cho đến, hồi hướng Tam mật⁴ và hạnh Nhất thừa⁵, cầu nguyện vãng sanh Tịnh độ.

³ An Lạc Tập, No. 1958, Đại sư Đạo Xước soạn, tr. 13c02: “Hỏi: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhiều kiếp lâu xa đến nay, đáng lý phải gặp nhiều Đức Phật ra đời, cơ sao cứ mãi luân hồi trong sanh tử, chưa ra khỏi nhà lửa?

Đáp: Y theo Đại thừa Thánh giáo, bởi chúng sanh không có được hai thứ thắng pháp để thoát ly sanh tử, cho nên không thể ra khỏi nhà lửa. Hai thắng pháp đó là gì? Một là Thánh đạo; hai là vãng sanh Tịnh độ. Nói Thánh đạo đó thì đời nay rất khó chứng, bởi một là do cách Đức Phật đã lâu xa, hai là do lý sâu mà hiểu cạn. Cho nên trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: ‘Trong đời mạt pháp, tuy có ức ức chúng sanh khởi hạnh tu đạo, nhưng chưa có người nào đắc đạo.’ Nay đang mạt pháp, hiện là ngũ trược ác thế, chỉ có một môn Tịnh độ là con đường thông nhập [cho tất cả chúng sanh]. Cho nên trong Đại Kinh nói: ‘Như có chúng sanh, cho dù một đời tạo ác, khi sắp mạng chung, mười niệm liên tục xưng danh hiệu tôi, nếu không được vãng sanh thì tôi không lấy ngôi Chánh giác.’”

⁴ Thân mật, ngữ mật và ý mật của Chân ngôn tông.

Những hành nghiệp như thế chẳng phải không thể vãng sanh. Tất cả thực hành đều là thực hành của Tịnh độ vậy.

Nhưng những hành nghiệp này là chính mình gắng sức thực hành để cầu vãng sanh Cực lạc, nên gọi là *Tự lực vãng sanh*. Nếu hành nghiệp sơ sài thì khó được vãng sanh, vì không khế hợp với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà nên họ không được quang minh “nhiếp thủ” soi chiếu.

(c) Niệm Phật vãng sanh

Niệm Phật vãng sanh: xưng danh hiệu của A Di Đà Phật, mà nguyện vãng sanh. Tùy thuận bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, nên gọi là *Chánh định nghiệp*. Nương vào nguyện lực tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà, nên gọi là *Tha lực vãng sanh*.

Về việc xưng niệm danh hiệu, có người hỏi: Vì sao nói khế hợp với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà?

Đáp: Sự phát khởi bản nguyện là do nhân duyên xa xưa, lúc A Di Đà Như Lai chưa thành Phật, có tỳ kheo tên Pháp Tạng sống vào thời kỳ có Phật xuất thế, danh hiệu là Thế Tụ Tại Vương.

Tỳ kheo Pháp Tạng đã phát Bồ đề tâm, biết những quốc độ thanh tịnh, nghĩ lợi ích chúng sanh, nên đi đến chỗ Phật, thưa rằng: “Con đã phát Bồ đề tâm, muốn kiến lập Phật quốc thanh tịnh, nguyện Phật vì con mà chỉ dạy vô lượng diệu hạnh để trang nghiêm Phật quốc.”

Bấy giờ, Đức Phật Thế Tụ Tại Vương liền vì tỳ kheo Pháp Tạng mà rộng nói hai trăm mười ức Phật độ thanh tịnh, những sự thiện ác của nhân thiên, những sự thô diệu của quốc độ, và ứng theo tâm nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng mà hiện rõ ra cho thấy cả.

⁵ Hạnh Nhất thừa hay Phật thừa của Pháp Hoa tông.

Tỳ kheo Pháp Tạng nghe đây, thấy đây mà bỏ ác lấy thiện, bỏ thô muốn diêu. Nói cách khác, quốc độ nào có ba đường ác thì bỏ mà không lấy, thế giới nào không có ba đường ác thì muốn mà chọn lấy. Những nguyện còn lại theo chuẩn mực này mà biết. Thế nên, từ hai trăm mười ức Tịnh độ của chư Phật, chọn ra những sự thù thắng mà thiết lập thế giới Cực Lạc. Thí dụ như cảnh liễu mà nở hoa anh đào, giống như Nhị Kiến Phủ (二見浦)⁶ sóng đôi với Thanh Kiến Quan (清見關)⁷. Sự tuyên trạch này chẳng phải chỉ tư duy một đời mà là tư duy trải qua thời gian năm kiếp, nguyện thiết lập quốc độ vi diêu nghiêm tịnh như thế.

Lại còn tư duy: “Tôi thiết lập quốc độ là vì dẫn đạo chúng sanh. Quốc độ tôi dù có vi diêu, mà nếu chúng sanh khó vãng sanh thì trái ngược ý thú của đại bi đại nguyện của tôi.”

Do đó, xét biệt nhân quyết định sự vãng sanh Cực Lạc, thì thấy tất cả sự thực hành đều chẳng dễ: nếu lấy sự hiếu dưỡng cha mẹ thì người bất hiếu khó sanh về; nếu dùng sự đọc tụng Đại thừa thì người không biết chữ coi như vô vọng; nếu xác định bố thí, trì giới làm nhân tố thì những kẻ xan tham, phá giới bị bỏ rơi; nếu lấy sự nhẫn nhục, tinh tấn làm nghiệp dụng thì hạng người sân hận, giải đãi bị từ chối. Tất cả các hành khác cũng đều như vậy.

Do đó, vì muốn tất cả phàm phu thiện ác được bình đẳng vãng sanh, cùng chung phát nguyện, tôi chỉ lấy việc xưng niệm danh hiệu ba chữ ‘A Di Đà’ làm biệt nhân cho sự vãng sanh.

⁶ Hòn phu phụ, một danh thắng bên bờ biển tỉnh Tam Trọng (Mie), nằm ở tiểu vùng Tokai, vùng Kinki trên đảo Honshū.

⁷ Trong thời Bình An, Thanh Kiến Quan là thành lũy nằm ở Tuấn Hà Quốc, quận Am Nguyên (thành phố Shimizu, tỉnh Shizuoka ngày nay), vùng đất này có Thanh Kiến Tự (清見寺, Seiken Temple), tự viện của Lâm Tế tông, đây là một danh lam thắng cảnh nhìn ra núi Phú Sĩ ở phía bắc và Tam Bảo Tùng Nguyên (三保松原, Miho no Matsubara) ở phía nam.

Trong thời gian năm kiếp, sau khi tư duy sâu xa điều này, tỳ kheo Pháp Tạng trước hết phát nguyện “Chư Phật xung dương tên tôi”, là nguyện thứ mười bảy⁸. Đối với nguyện này, cần phải thâm đắc ý thú của nó. Tỳ kheo Pháp Tạng muốn dùng danh hiệu để dẫn dắt hết thầy chúng sanh, nên thề rằng “xung dương danh hiệu”.

Hỏi: Nhưng ý thú của Đức Phật chẳng phải vì danh dự hay muốn chư Phật xung dương, chắc có ý thú gì quan trọng?

Đáp:

Tôn hiệu Như Lai rất rõ ràng
Mười phương thế giới lưu hành khắp
Chỉ có xung danh đều được vãng
Quán Âm, Thế Chí tụt đến rước.⁹

Đây là ý thú!

Kế đến, tỳ kheo Pháp Tạng phát nguyện “Niệm Phật vãng sanh”, là nguyện thứ 18¹⁰, nói rằng “dẫn đạo người mười niệm”. Quả thật, suy nghĩ tinh tế thì lời nguyện này rất rộng sâu.

Danh hiệu chỉ có sáu chữ, dù là hạng chậm lụt, ngu độn cũng dễ nắm giữ. Xung danh hiệu mà chẳng kể đi, đứng, ngồi, nằm. Hành niệm Phật mà không chề thời xứ chư duyên¹¹, không phân biệt người tại gia, người xuất gia, người nam hay người nữ, người già hay người trẻ, người thiện hay người ác, có bỏ sót ai không?

⁸ Nguyện thứ 17: “Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁹ Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lược Pháp Sư Nghi Tán (淨土五會念佛略法事儀讚), No. 1983, Sa-môn Pháp Chiếu (747-821) thuật, tr. 477c08. Đại sư Pháp Chiếu là vị Tổ thứ tư của Liên Tông vào đời nhà Đường, còn gọi là Ngũ Hội Pháp Sư (五會法師). Xem Giáo Hành Tín Chứng, Hành quyển, mục (35).

¹⁰ Nguyện thứ 18: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước tôi, nhần đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

¹¹ Thời xứ chư duyên (時處諸緣): Thời chỉ cho 12 thời. Xứ chỉ cho nơi thanh tịnh hoặc nơi không thanh tịnh. Chư duyên tức sinh hoạt, nhân sự, kỹ nghệ, v.v. Như vậy biết từ ngữ Thời xứ chư duyên với ý nghĩa tương đối là tùy lúc

Nhân địa Phật kia lập hoàng thệ
Nghe danh, niệm Phật đều rước về
Không lựa nghèo khổ hay giàu sang
Không chọn ngu si hay tài trí
Bất luận đa văn, trì tịnh giới
Chẳng kể phá giới tội căn sâu
Chỉ cần hồi tâm, niệm Phật nhiều
Gạch ngói có thể biến thành vàng.¹²
(Ngũ Hội Pháp Sư Tán)

Đây là ý thú!

Đây là Niệm Phật vãng sanh.

(d) So sánh hai thứ vãng sanh

Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, phẩm Dị Hành, Bồ tát Long Thọ nói:

“Hành Phật đạo: có nan hành đạo, có dị hành đạo.

Nan hành đạo: như đi bộ trên đường bộ.

Dị hành đạo: như đường biển mà thuyền được gió thuận.

Nan hành đạo: khế chứng Vị bất thời¹³ ở ngũ trược ác thế.

tùy chỗ. Vãng Sanh Yếu Tập, quyển hạ, nói: “Chỉ là nam nữ giàu nghèo, bất kể đi đứng ngồi nằm, thời xứ chur duyên, tu hành không khó, nguyện cầu vãng sanh, được tiện nghi ấy, chẳng bằng niệm Phật.”

¹² Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lực Pháp Sư Nghi Tán (淨土五會念佛略法事儀讚), No. 1983, Sa-môn Pháp Chiếu (747-821) thuật, tr. 481c06. Đại sư Pháp Chiếu là vị Tổ thứ tư của Liên Tông vào đời nhà Đường, còn gọi là Ngũ Hội Pháp Sư (五會法師).

“Nhân địa Phật kia lập hoàng thệ” là “Giả sử khi tôi thành Phật” trong nguyện văn. “Nghe danh niệm Phật” là “Chỉ tâm tin ưa, muốn sanh về nước tôi, nhẫn đến mười niệm”. “Đều” là “Chúng sanh ở mười phương”. “Rước về” là “Nếu không được sanh thì tôi không lấy ngôi Chánh giác”. Nghe tin danh hiệu Phật thì mới “hồi tâm”. Hồi tâm là hồi giả tâm thành chân tâm, là hồi nghi tâm thành tín tâm, là hồi cái tâm luyến thế không nguyện sanh, thoái lui không dám sanh để thành cái tâm dũng tiến nguyện sanh. “Niệm Phật nhiều” là nhất hướng chuyên niệm, tức là “nhẫn đến mười niệm” trong nguyện văn. “Gạch ngói có thể biến thành vàng” là phàm phu tội nghiệp sâu nặng cũng được vãng sanh.

Di hành đạo: chỉ tin nhân duyên với Phật, vãng sanh Tịnh độ.”

Nan hành đạo là Thánh đạo môn. Di hành đạo là Tịnh độ môn.

Riêng tôi cho rằng, người đi vào Tịnh độ môn mà tu ‘chư hành vãng sanh’ thì như đi biển ngồi thuyền chẳng được gió thuận, ra sức quấy chèo, đi trên con nước ngược, vượt qua trong sóng gió.

II. Chuyên tạp nhị tu

(1) Tổng nêu

Thêm nữa, về Tịnh độ môn ‘Niệm Phật vãng sanh’, nó được chia ra hai sự thực hành: chuyên tu và tạp tu.

(2) Chuyên tu

Chuyên tu là từ khi phát nguyện nguyện sanh Cực Lạc, sau đó khởi tín tâm quy thuận bản nguyện, chỉ hành một hạnh niệm Phật, mảy may không xen hạnh khác: không trì kinh chú khác, không niệm Phật Bồ tát khác, chỉ xưng danh hiệu Di Đà, chỉ niệm một Phật Di Đà, đây gọi là Chuyên tu.

(3) Tạp tu

Tạp tu là tuy lấy niệm Phật làm chủ đạo, còn thực hành các hạnh khác và những điều thiện khác.

(4) Nhị tu đặc thất

¹³ Bồ tát của biệt giáo, từ vị sơ trụ dứt trừ kiến hoặc, đến thất trụ thì dứt tư hoặc, hoàn toàn ở vị siêu phàm không bị thối lui nữa, nên gọi là Vị bất thối.

Trong hai sự tu, chuyên tu là thù thắng. Vì vậy, một khi đã phát nguyện nguyện sanh Cực Lạc và chuyên niệm Đức giáo chủ của quốc độ ấy, sao lại phải xen tạp sự khác?

Mạng sống như ánh chớp, sương mai; thân thể như cây chuối, bọt nước, chỉ đem một đời siêng tu, rời xa quê cũ năm đường, đầu thể trì hoãn mà gồm cả chư hành.

Kết duyên với chư Phật Bồ tát, thì mong tùy tâm cúng dường buổi sáng; nghĩa lý của kinh điển Đại thừa, Tiểu thừa, thì đợi bách pháp minh môn¹⁴ buổi chiều.

Người nguyện một cõi Tịnh, niệm một Đức Phật, ngoài đây không thể có sự dụng nào khác.

Người đi vào môn niệm Phật mà còn kiêm hạnh khác, thì là tìm kiếm tâm ý, chấp trước bản nghiệp, nên khó buông xả.

Người trì Nhất thừa, người hành Tam mật, ai cũng hồi hướng hạnh mình, không có đôi ý kiêm tu niệm Phật, nguyện sanh Cực Lạc, mà cứ hành trì như thế, không gì làm lỗi.

¹⁴ Bách pháp minh môn (百法明門): Chỉ pháp môn trí tuệ mà Bồ tát đạt được ở ngôi Sơ địa (Hoan hỷ địa). Bách pháp (trăm pháp), là chỉ cho nhiều số mục một cách khái quát. Minh, là thông suốt. Môn, là pháp môn, hàm ý là hữu nhập, sai biệt. Trọn ý là, môn trí tuệ tỏ rõ thông suốt trăm pháp. Đối với chữ bách pháp trong Bách pháp minh môn, các nhà cũng có những cách nói khác nhau: (1) Thập Địa Kinh Luận, quyển 3 nói, bách pháp, tức chỉ các loại pháp môn. (2) Cứ theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Kỳ, quyển 11 chép, thì bách pháp là chỉ các pháp môn Uẩn, Xứ, Giới, chứ không phải chỉ con số một trăm thực sự. (3) Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, quyển thượng, phẩm Hiền Thánh Danh Tự chép, thì mười tâm tin là tín tâm, niệm tâm, tinh tiến tâm, tuệ tâm, định tâm, bất thối tâm, hồi hướng tâm, hộ tâm, giới tâm và nguyện tâm, trong mỗi tâm đều có mười tâm mà thành trăm pháp. Sau khi thành tựu đầy đủ mười tâm mười tín này mới có thể vào địa vị Sơ trụ. (4) Trong Thích Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Ký của ngài Pháp Thông, và trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sơ Diệu Tông Sao, quyển 6 của ngài Tri Lễ ở núi Tứ Minh chép, bách pháp, tức là thuyết Năm vị trăm pháp của Pháp Tướng tông. (5) Thích Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Ký nói, khi một trong mười tâm số pháp là thọ, tưởng, tư, xúc, dục, tuệ, niệm, giải thoát, ức, định v.v..., sinh khởi, thì chín tâm kia cũng cùng giúp đỡ mà khởi, nên thành trăm pháp. Còn Kinh Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật, quyển thượng, phẩm Bồ Tát Giáo Hóa chép, nếu Bồ tát ở trong một trăm nước Phật, thì làm Tứ Thiên Vương cõi Diêm Phù, tu trăm pháp môn, tâm nhị đế bình đẳng, giáo hóa hết thầy chúng sanh. Nếu Bồ tát ở trong một ngàn nước Phật, thì làm vua trời Đạo Lợi, tu hành ngàn pháp môn. Nếu ở trong mười muôn nước Phật, thì làm Viêm Thiên Vương mà tu hành mười muôn pháp môn, cho đến ở trong bất khả thuyết bất khả thuyết nước Phật, thì làm vua cõi trời Tứ Thiên Đại Tĩnh, là chúa ba cõi, mà tu hành bất khả thuyết bất khả thuyết pháp môn. Lại cứ theo kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, quyển hạ, phẩm Phật Mẫu chép, thì tâm Thập tín là gốc của các hạnh, từ đó đắp đổi tăng tiến mà thành trăm pháp minh môn, nghìn pháp minh môn.

Không siêng năng niệm Phật thuận theo bản nguyện, con đường dễ hành, mà lại phân biệt bản nguyện, tu theo chur hành mà không có lý do. Theo đó, Hòa thượng Thiện Đạo nói: “*Nếu bỏ chuyên tu mà theo tạp tu, thì ngàn người tu không có một người được vãng sanh. Nếu chuyên tu thì trăm người tu có trăm người vãng sanh, ngàn người tu có ngàn người vãng sanh.*”

Lại nói:

“*Cực Lạc vô vi, Niết-bàn giới
Tùy duyên tạp thiện e khó sanh
Bởi thế Như Lai tuyển yếu pháp
Dạy niệm Di Đà chuyên càng chuyên.*”¹⁵

Ngờ vực “tùy duyên tạp thiện” là ý nghĩa của “chấp trước bản nghiệp” vậy.

Giống như một vị quan trong hoàng cung, muốn thân cận nhà vua thì phó thác thân tâm của mình, phải một lòng tận tụy trung thành. Khi đã được gần gũi nhà vua, còn phải giữ ý với người xa lạ. Khi vị quan ấy gặp nhà vua, mong được khen thưởng, phải biết trực tiếp phục vụ, thẳng liệ rõ ràng, nhị tâm và nhất tâm, trời và đất khác xa.

Qua việc này, có người nghi ngờ, hỏi rằng: Thí như có người lập hạnh niệm Phật, mỗi ngày xưng niệm một vạn biến, ngoài đây trọn ngày vui chơi, suốt đêm ngủ nghỉ. Lại có một người đồng niệm một vạn biến, sau đó đọc kinh, niệm Đức Phật khác, người nào là thắng? Kinh Pháp Hoa có đoạn văn “Tức vãng An Lạc”¹⁶,

¹⁵ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyện Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 430c21.

¹⁶ Kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồ Tát: “Sau khi Như-Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe kinh Pháp Hoa này, đúng như lời mà tu hành, thời khi ở đây chết liền qua thế giới An Lạc, chỗ trụ xứ của Đức Phật A Di Đà cùng chúng đại Bồ tát vây quanh, mà sanh trên tòa báu trong hoa sen.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch) (若如來滅後,五百歲中,若有女人,聞是經典,如說修行,於此命終,即往安樂世界;阿彌陀佛,大菩薩眾,圍繞住處,生蓮華中寶座之上. 若得如來滅後,五百歲中,若有女人,聞是經典,如說修行,於此命終,即往安樂世界;阿彌陀佛,大菩薩眾,圍繞住處,生蓮華中寶座之上. 若得如來滅後,五百歲中,若有女人,聞是經典,如說修行,於此命終,即往安樂世界;阿彌陀佛,大菩薩眾,圍繞住處,生蓮華中寶座之上. 若得如來滅後,五百歲中,若有女人,聞是經典,如說修行,於此命終,即往安樂世界;阿彌陀佛,大菩薩眾,圍繞住處,生蓮華中寶座之上.)

đọc đoạn này, không giống ‘vui chơi’ ư? Kinh Dược Sư cũng có tám vị Đại Bồ tát dẫn đạo¹⁷, tụng đoạn này, há giống ‘ngủ nghỉ’ sao? Vậy khen kia cho là chuyên tu, ngờ đây cho là tạp tu, chưa hiểu ý thú chăng?”

Đáp: Nay xem xét đây, vẫn lấy chuyên tu làm thắng. Tại sao? Chúng ta vốn dĩ là phàm phu trong ngũ trược ác thế, hễ xúc sự thì có nhiều chướng ngại. Đức Phật A Di Đà đã nhận ra điều này và dạy chúng ta con đường dễ đi. Người suốt ngày vui chơi là người có thêm tán loạn. Người suốt đêm ngủ nghỉ là người có thêm thụy miên. Tất cả đều do phiền não gây ra, khó đoạn khó trừ. Nếu dừng vui chơi thì nên niệm Phật, ngủ nghỉ thức dậy thì phải nhớ bản nguyện, điều này không trái với hạnh chuyên tu. Niệm một vạn biến, sau đó trì kinh khác, niệm Phật khác, nghe ra có vẻ thiện xảo, nhưng việc niệm Phật, ai hạn định một vạn biến? Nếu là căn cơ tinh tiến, thì suốt ngày xưng danh: khi lần tràng hạt thì nên xưng danh hiệu A Di Đà Phật, khi hướng về Đức Bản Tôn thì nên chiêm ngưỡng hình tượng Phật A Di Đà. Chúng ta chỉ đợi Đức Phật A Di Đà đến rước, tại sao chờ tám vị Đại Bồ tát chỉ đường? Chúng ta nên tập trung nương tựa sự dẫn đạo của bản nguyện và đừng bận tâm cậy nhờ sức công năng của Nhất thừa. Căn tánh của hành giả có thượng, trung và hạ. Bậc thượng căn thì suốt đêm trọn ngày xưng niệm A Di Đà Phật, sao rảnh rỗi niệm Đức Phật khác. Chúng ta nên suy nghĩ sâu sắc điều này, chớ khinh suất và hoài nghi.

III. Ba tâm của Niệm Phật vãng sanh

¹⁷ Kinh Dược Sư: “Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, nếu trong hàng tứ chúng: Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca và những kẻ thiện nam, tín nữ đều có thọ trì tám phần trai giới, hoặc trong một năm, hoặc mỗi năm ba tháng, vâng giữ giới pháp làm nơi y chỉ tu học, rồi đem căn lành này nguyện sanh về chỗ Phật Vô Lượng Thọ, ở thế giới Cực lạc Tây Phương đặng nghe Chánh pháp; nhưng nếu chưa quyết định mà nghe được danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì khi mạng chung sẽ có tám vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát từ trên không trung đi đến đưa đường chỉ lối cho, thì liền được vãng sanh trong những hoa báu đủ màu.” (H.T Thích Huyền Dung dịch)

(1) Tổng nêu

Tiếp theo nói, niệm Phật nên có đủ ba tâm. Hễ xưng danh hiệu, người nào chẳng đủ công phu một niệm hay mười niệm? Thế mà sự vãng sanh rất hiếm có. Đó là do không có đủ ba tâm.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “*Người đủ ba tâm này ắt sanh nước kia.*”

Ngài Thiện Đạo giải thích rằng: “*Đầy đủ ba tâm này ắt sanh nước kia; nếu thiếu một tâm, thì không được sanh.*” Trong ba tâm này, nếu thiếu một tâm, không được vãng sanh.

Trên đời này, người xưng niệm danh hiệu A Di Đà danh hiệu tuy có nhiều, nhưng không ai được vãng sanh, vì không có đủ ba tâm này. Nên biết như vậy.

(2) Chí thành tâm

Ba tâm này gồm có:

Một là, Chí thành tâm. Đây chính là tâm chân thật.

Phàm người nhập Phật đạo, trước hết phải phát tâm chân thật. Tâm ta không chân thật thì Phật đạo khó tiến. Thuở xưa Đức Phật A Di Đà lập hạnh Bồ tát, thiết lập Tịnh độ, chỉ có phát khởi cái tâm chân thật. Do đó, muốn sanh nước kia cũng nên phát khởi cái tâm chân thật. Người có tâm chân thật là người đã xả bỏ cái tâm không chân thật để hiển lộ cái tâm chân thật.

Người không có cái tâm thâm nguyện Tịnh độ, nhưng gặp ai cũng nói về nguyên do có được thâm nguyện. Nội tâm người ấy dính mắc sâu vào danh lợi đời này và ngoại tướng thì biểu hiện thái độ chán đời. Bên ngoài thể hiện tướng tôn quý với những thiện tâm, nhưng bên trong có tâm phóng dật đầy những bất thiện, đây gọi là tâm hư giả, mà hình thái trái ngược với tâm chân thật. Tương phản với tâm hư giả là tâm chân thật. Nên biết như vậy.

Người hiểu sai nghĩa này, đối với muôn sự không thể tùy tiện làm gì, mà thành ra hư giả. Tuy nhiên, những việc nên kiêng sợ, đáng xấu hổ ở nơi thân cũng bị lộ ra cho người khác biết, sẽ dẫn đến lỗi phóng dật, không biết hổ thẹn.

Nay nói về ‘tâm chân thật’: cầu Tịnh độ, chán uế độ và tin Phật nguyện, thì phải có tâm chân thật, không cần thiết phải tỏ ra hổ thẹn hay biết lỗi. Do mọi sự tùy duyên, cần phải rất cân nhắc. Hòa thượng Thiện Đạo giải thích: “*Không được bên ngoài bày tướng tinh tiến hiển thiện, mà bên trong ôm lòng hư giả.*”¹⁸

(3) Thâm tâm

Hai là, thâm tâm. Đây chính là tín tâm.

Trước hết phải biết sắc thái của tín tâm.

Nói về ‘tín tâm’, nghĩa là thâm tín lời nói của người mà không có sự nghi ngờ.

Thí như có người, tâm địa đoan chánh, cực kỳ đáng tin cậy, vì ta dạy bảo những sự việc chính mắt trông thấy, nói rằng, “*Nơi này có núi; chỗ kia có sông.*” Sau khi dựa dẫm người này, tin tưởng lời dạy kia, lại có người nói, “*Điều đó hư vọng, nơi này không có núi, chỗ kia cũng không có sông,*” nhưng ta không dao động, do tuyệt đối không có vấn đề gì với lời nói ‘không hư vọng’. Sau đó dù có trăm người, ngàn người nói gì đi nữa, cũng vô dụng mà thôi. Dựa dẫm và tin tưởng những gì nghe được lần đầu tiên, đây gọi là ‘tín tâm’.

Nay tin lời dạy của Đức Thích Ca, tin thệ nguyện của Đức Di Đà, không có hai tâm, cũng nên như thế.

Tựu trung lại thì tín tâm có hai:

Một là, tin “*Thân ta là phạm phu tội ác trong sanh tử, nhiều kiếp đến nay, thường chìm đắm, thường lưu chuyển, không có nhân duyên xuất ly.*”

¹⁸ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, No. 1753, quyển 4, tr. 270c29.

(a) Hai là, quyết định thâm tín, “*Bốn mươi tám nguyện của Đức Phật A Di Đà là để nhiếp thọ chúng sanh, không nghi không lo, nương nguyện lực của Ngài thì chắc chắn được vãng sanh.*”¹⁹

Người đời thường nói: Chẳng phải không tin Phật nguyện, mà suy lường thân ta, chứa nhiều tội chướng, ít khởi thiện tâm; tâm thường tán loạn, khó được nhất tâm; thân luôn giải đãi, không thể tinh tấn. Phật nguyện tuy sâu, sao đón thân này?

Ý niệm này gắn với người hiền: không khởi kiêu mạn, không tâm cống cao; nhưng có cái lỗi hoài nghi nguyện lực bất tư nghị của Đức Phật A Di Đà.

Chúng ta có biết oai lực nhiều ít của Đức Phật A Di Đà không, mà cho rằng cái thân tội nghiệp khó được cứu độ?

Dù là tội nhân ngũ nghịch, do nương tựa công năng mười niệm, trong khoảng sát na, được toại ý vãng sanh, huống chi tội lỗi chưa đến mức ngũ nghịch hay công phu đã hơn mười niệm ư?

Người tội sâu mà càng nguyện Cực Lạc thì nói: “*Chẳng kể phá giới tội căn sâu.*”²⁰ Người thiện ít mà càng niệm Di Đà thì nói: “*Ba niệm, năm niệm Phật đến rước.*”²¹

Chớ vô có mà hạ thấp thân này, bạc nhược tâm mình, để hoài nghi Phật trí bất tư nghị.

Thí như có một người ở dưới một bờ cao, không thể leo lên bờ; có một người mạnh khỏe ở trên bờ cao đó, thông dây xuống dưới để người ấy nắm lấy, rồi bảo: “*Tôi giúp anh lên trên bờ này.*” Nếu nghi ngờ sức lực của người giúp kia, sợ

¹⁹ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 4, tr. 271b01.

²⁰ Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lực Pháp Sự Nghi Tán (淨土五會念佛略法事儀讚), No. 1983, Sa môn Pháp Chiếu thuật, tr. 481c14.

²¹ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyện Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Thiện Đạo tập ký, tr. 435b11.

sợi dây không chắc, chùn tay không nắm lấy dây, thì không thể lên trên bờ cao. Chỉ cần làm theo lời người kia, đưa tay ra và nắm lấy dây, liền được lên bờ.

Người nghi Phật lực, không nương nguyện lực thì giống như chùn tay không nắm lấy sợi dây, thì khó lên bờ Bồ đề. Chỉ cần duỗi tay ‘tín tâm’, nắm lấy sợi dây ‘thệ nguyện’.

Phật lực vô cùng thay, thân tội chướng sâu nặng mà không nặng. Phật trí vô biên thay, người tán loạn phóng dật cũng không bỏ.

Tín tâm làm chánh yếu, ngoài ra không gì phải bận tâm. Một khi tín tâm mà xác quyết rồi, thì ba tâm tự đầy đủ. Người thực sự tín thọ bản nguyện thì không có cái tâm hư giả. Người mong chờ Tịnh độ không chút hoài nghi thì có cái niệm hồi hướng.

Dù ba tâm có vẻ khác nhau, nhưng chúng đều có đủ nơi tín tâm.

(4) Hồi hướng phát nguyện tâm

Ba là, Hồi hướng phát nguyện tâm. Trong câu chữ có thể biết nghĩa ấy, không phải tường thuật. Hồi hướng thiện căn của ba nghiệp quá khứ và hiện tại để nguyện sanh Cực Lạc vậy.

IV. Giải thích về mười niệm

Tiếp theo, *Bản nguyện văn* nói: “*Nhấn đến mười niệm, nếu không được sanh, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.*”

Về mười niệm này, hoặc có người nghi rằng: *Một niệm tùy hỷ*²² trong kinh Pháp Hoa, đó là thâm đạt nghĩa lý ‘không phải quyền, không phải thật’²³. Nay nói mười niệm, làm sao rõ biết đó là mười tiếng danh hiệu?

Giải thích điều nghi này, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, nói về sắc thái của người Hạ phẩm hạ sanh rằng: *“Chúng sanh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện, đến khi lâm chung, mới nương lời khuyên của thiện tri thức, chỉ có xưng mười lần danh hiệu, liền sanh Tịnh độ.”*²⁴ Đây chẳng phải sự tĩn quán, thâm niệm, mà chỉ là miệng xưng danh hiệu vậy.

Nói rằng, *“Nếu người chẳng thể niệm”*, đây là nói cái ý ‘suy nghĩ sâu xa’. Nói rằng, *“Nên xưng Vô Lượng Thọ Phật”*, đây là khuyên ‘chỉ thâm xưng Phật hiệu’. Nói rằng, *“Đầy đủ mười niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử”*, ở đây nói ‘mười niệm’, nghĩa là chỉ xưng danh mười lần vậy.

²² Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư: “Phật bảo Dược Vương: Lại sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhớ đến một câu, một niệm tùy hỷ đó, ta cũng thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

²³ Tông Thiên Thai cho rằng Viên giáo được nói trong kinh Pháp Hoa là Thật giáo, còn Thông giáo, Tạng giáo và Biệt giáo được nói trong các kinh khác thì đều thuộc Quyền giáo, cho nên gọi là Tam quyền nhất thật. Đứng về phương diện bản thể chứng ngộ của Phật mà nói thì Quyền giáo và Thật giáo đều bình đẳng, gọi là Quyền thật đồng thể. Còn nói theo tác dụng giáo hóa chúng sanh của Phật thì phương pháp tu hành và trình độ giác ngộ của Quyền giáo và Thật giáo có khác nhau, cho nên gọi là Quyền thật dị thể. Pháp Hoa Văn Cú, quyển 3, thượng, cho rằng có thể dùng bốn câu về quyền, thật để biểu thị trạng thái tồn tại của tất cả sự vật như sau: “Tất cả các pháp đều là quyền. Tất cả các pháp đều là thật. Tất cả các pháp vừa là quyền vừa là thật. Tất cả các pháp không phải quyền không phải thật.” Thập bất nhị môn trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa, quyển 7, có lập Quyền thật bất nhị môn, nghĩa là đứng trên lập trường của người mà nói thì 9 cõi từ Bồ tát trở xuống đến địa ngục là Quyền, còn cõi Phật là Thật, gọi là Cửu quyền nhất thật; còn nói theo lập trường của giáo pháp thì tuy có chia ra Tam quyền nhất thật, nhưng nên quán xét quyền thật viên dung không sai khác.

²⁴ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đà Hy: Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy, lúc lâm chung, gặp thiện tri thức dùng nhiều lời an ủi, vì nói diệu pháp dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không rảnh niệm được. Thiện hữu bảo rằng, nếu người chẳng thể niệm Phật kia được, thì nên xưng [quy mạng] Vô Lượng Thọ Phật, như vậy chí tâm khiến tiếng xưng danh chẳng dứt. Đầy đủ mười niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử. Lúc mạng chung, thấy kim liên hoa dường như mặt nhật trụ trước người ấy. Như khoảng một niệm, liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp hoa sen ấy mới nở. Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát dùng âm thanh đại bi vì người ấy diễn nói Thiệt Tướng các pháp, nói pháp trừ diệt tội. Người ấy nghe pháp rồi, rất vui mừng liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là người Hạ Phẩm Hạ Sanh vậy.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

Cứ theo Bản nguyện văn mà có thể biết điều này. Hòa Thượng Thiện Đạo thâm ngộ ý này, thuật lại Bản nguyện văn rằng: “*Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh, xưng danh hiệu tôi, [nguyện sanh nước tôi,] tối thiểu mười niệm, nếu không được sanh, chẳng lấy Chánh giác.*”²⁵ Nói ‘mười niệm’ là bày tỏ cái nghĩa ‘miệng xưng’.

V. Giải đáp những nghi vấn

(1) Niệm Phật lâm chung và niệm Phật bình thường.

Hoặc có người hỏi: “Năng lực và công đức của niệm Phật khi lâm chung rất sâu xa. Mười niệm mà tiêu được tội ngũ nghịch là nhờ năng lực niệm Phật khi lâm chung. Việc niệm Phật lúc bình thường thì khó có năng lực này.”

Xem xét điều này: Niệm Phật khi lâm chung có công đức thù thắng, cần phải biết ý ấy.

Khi sắp mạng chung, trăm thứ khổ sở tập trung nơi thân, chánh niệm dễ tán loạn, lúc ấy niệm Phật, làm sao có được công đức thù thắng?

²⁵ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, phần Huyền Nghĩa, tr. 250b16: “若我得佛，十方眾生，稱我名號，願生我國，下至十念；若不生者，不取正覺。” (Nhược ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh, xưng ngã danh hiệu, nguyện sanh ngã quốc, hạ chí thập niệm; nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh giác.) Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký: “Nay tin biết bản hoàng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà và xưng niệm danh hiệu, tối thiểu (: hạ chí 下至) mười tiếng một tiếng, thì chắc chắn được vãng sanh, và dù chỉ (乃至 乃至) một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.” (tr. 438c08) “Thế nào gọi là Hộ niệm? Nếu có chúng sanh xưng niệm A Di Đà Phật, hoặc bảy ngày và một ngày, hoặc tối thiểu là mười tiếng, tối thiểu một tiếng một niệm, thì ắt được vãng sanh. Chư Phật đều chứng thành sự kiện này, nên gọi là Hộ Niệm Kinh.” (tr. 448a07) Cứ theo Vãng Sanh Lễ Tán của ngài Thiện Đạo thì từ ngữ “nhấn đến mười niệm” (nãi chí thập niệm) trong văn nguyện, có hàm ý là “tối thiểu mười tiếng” (hạ chí thập thanh), tức chỉ niệm mười lần câu “Nam mô A Di Đà Phật” cũng được sanh về Tịnh độ. Vì Đức Phật A Di Đà đã thành Phật rồi và hiện đang ở cõi Tịnh độ, nên lời thệ nguyện của Ngài không hề hư dối. Về từ ngữ “nhấn đến mười niệm”, có nhiều thuyết: Ngài Đàm Loan chủ trương “nhấn đến mười niệm” là niệm liên tục không gián đoạn. Các ngài Nguyên Hiểu, Pháp Vị, Huyền Nhất thì cho đó là “mười pháp mười niệm”: từ tâm, bi tâm, hộ pháp tâm, quyết định tâm, thâm tâm, nhất thiết chủng trí tâm, tôn trọng tâm, bất vị trước tâm, viển ly tán loạn tâm, chánh niệm quán Phật tâm, được nói trong kinh Di Lạc Phát Vấn. Ngài Nghĩa Tịch thì cho niệm tức hàm ý thời gian, xưng niệm sáu chữ danh hiệu một lần là một niệm, mười lần tức thành mười niệm, trong mỗi niệm ấy tự nhiên đầy đủ mười pháp mười niệm: từ, bi, v.v. Trong Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, ngài Nguyên Không, người Nhật Bản, cho rằng giữ giới, tụng kinh, thực hành sáu độ, công đức tuy rất lớn, có thể hồi hướng vãng sanh, nhưng đều không thù thắng bằng công đức xưng danh niệm Phật, cho nên chỉ lấy một hạnh niệm Phật làm bản nguyện vãng sanh mà thôi.

Hãy ghi nhớ điều này: bệnh trầm trọng, mạng tàn lụi, thân có lúc nguy cấp, tín tâm tự nhiên dễ khởi.

Nhìn xem phong tục tập quán của người thế gian: lúc thân này bình an mạnh khỏe, thì không tin y sư, âm dương sư²⁶ gì cả. Thế mà khi bệnh nặng, có người mách, “*Hãy tin vào phương pháp trị liệu này, có thể làm cho bệnh hết,*” bèn nghĩ rằng thực sự có thể hết bệnh, chấp nhận trị liệu với miệng ném vị đắng, thân thêm thống khổ. Hoặc có người bảo, “*Hãy làm sự cúng tế cầu đảo này, có thể làm cho mạng sống kéo dài,*” cũng không tiếc rẻ tài vật quý giá, tận lực cúng tế cầu đảo.

Điều này cho thấy cái tâm yêu quý thân mạng rất là sâu nặng, nên khi nghe “mạng sống kéo dài” liền có ý tin sâu. Niệm Phật khi lâm chung cũng vậy, y theo đây mà biết.

Sanh mạng bị bức bách trong từng sát na, biết không thể tồn tại lâu dài, thì cái khổ ở đời sau chợt hiện ra: hoặc thấy cỗ xe lửa cháy xuất hiện, hoặc quỷ tốt che mắt, liền nghĩ làm sao có thể thoát sự khổ này, rời sự sợ hãi kia?

Hãy y theo lời dạy của thiện tri thức, nghe mười niệm vãng sanh, thì tín tâm sâu sắc bỗng phát khởi, ý không nghi ngờ điều đó. Đây chính là tâm ‘chán khổ’ chân thật, tâm ‘nguyện lạc’ khẩn thiết. Nghe “Nên vãng sanh Cực Lạc”, tín tâm chợt phát khởi; giống như nghe “Thọ mạng có thể kéo dài” mà tin nơi y sư, âm dương sư.

Nếu có tâm này, tuy chưa đến sát na tối hậu, người có ‘tín tâm quyết định’ thì công đức ‘nhất xung, nhất niệm’ thấy đều đồng đẳng với [công năng] niệm Phật khi lâm chung.

²⁶ Âm dương sư (陰陽師, Onmyōji) là một chức quan tại Nhật Bản thời cổ đại, trực thuộc Âm Dương liêu, Trung Vụ tỉnh, nằm dưới sự quản lý của pháp lệnh chế. Họ sử dụng Âm dương đạo (lấy âm dương, ngũ hành làm cơ sở) để bói toán, xem phong thủy. Về sau quan viên nắm giữ phương thuật bói toán vượt qua hạn chế pháp luật, cho nên Âm Dương sư chỉ còn là người phụ trách nghi thức hiến tế của Âm dương liêu.

Ngoài ra, sau thời chiến quốc, trong dân gian Nhật Bản cũng xuất hiện những nhân viên không chính thức cùng loại chức nghiệp với Âm dương sư. Trong những tình huống nhất định, loại Âm dương sư không chính thức này được gọi là “Thanh văn sư”, trùng tên với một chức nghiệp Thanh văn sư khác. Từ thời cận đại, dân gian cũng gọi những người phụ trách cầu nguyện và bói toán này là “Âm dương sư”. Dù thoạt nhìn, những người này giống giáo sĩ hơn.

(2) Nguyên lực Di Đà và tội nghiệp đời trước.

Người đời lại nói: “Tuy nghĩ muốn nương tựa nơi nguyên lực của Đức Phật A Di Đà, nhưng mà đời trước tội nghiệp khó biết, làm sao dễ dàng được vãng sanh?”

Nghiệp chướng có nhiều thứ. Nói về thuận hậu [thứ thọ] nghiệp²⁷, tuy chưa thọ chuyển sanh bởi sự tạo tác nghiệp này, thì những đời sau nữa ắt dẫn đến quả báo ấy.

Do đó, đời nay tuy sanh cõi người mà thân đầy đủ nghiệp ác đạo, khó biết được. Nếu nghiệp lực kia mạnh mẽ thì sẽ dẫn sanh vào đường ác, sự vãng sanh Tịnh độ khó lắm thay!”

Nghĩa này thực sự đúng, nhưng mà lưới nghi khó dứt, tự khởi vọng kiến.

Nghiệp đạo giống như cái cân, bên nặng kéo trước. Nếu thân ta đầy đủ nghiệp lực nẻo ác mạnh mẽ, thì không thể thọ sanh cõi người, trước phải đọa vào đường ác. Đã biết sanh nơi cõi người, và ngay cả thân có đủ nghiệp của nẻo ác, nhưng nghiệp lực ấy yếu kém hơn ngũ giới [nghiệp] thọ sanh nhân đạo, nếu vậy thì còn không cản trở được [nghiệp] ngũ giới, huống chi có thể cản trở công đức của mười niệm ư? Ngũ giới là hữu lậu nghiệp. Mười niệm là vô lậu công đức.

Người thọ ngũ giới không có sự cứu giúp của Phật nguyện. Người niệm Phật được dẫn dắt bởi bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Công đức của niệm Phật còn hơn cả thập thiện, cũng hơn tất cả thiện căn trong ba cõi, huống chi điều thiện nhỏ của ngũ giới.

Đã không chướng ngại ác nghiệp của ngũ giới²⁸, thì cũng không có chướng ngại sự vãng sanh.

²⁷ Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa, No. 1545, quyển 19, tr. 98a21 nói: “Nếu nghiệp tạo tác trong đời này tăng trưởng, ngay đời này thọ quả dị thực, gọi là thuận hiện pháp thọ nghiệp. Nếu nghiệp tạo tác trong đời này tăng trưởng, đời kế tiếp thọ quả dị thực, gọi là thuận thứ sanh thọ nghiệp. Nếu nghiệp tạo tác trong đời này tăng trưởng, đến đời thứ ba, đời thứ tư, hoặc những đời sau nữa mới lãnh thọ quả dị thực, gọi là thuận hậu thứ thọ nghiệp”

(3) Niệm Phật và túc thiện

Lại có người nói: “Kẻ tạo tội ngũ nghịch nương mười niệm được vãng sanh là do thiện nghiệp đời trước. Làm sao được vãng sanh khi chúng ta không biết gì về thiện nghiệp đời trước (: túc thiện)?”

Điều này do mê lầm nơi bóng tối ngu si, thành ra có sự hoài nghi này.

Lý do là, người có túc thiện sâu dày thì đời này cũng tu thiện căn, biết sợ ác nghiệp. Người có túc thiện ít ỏi thì đời này ưa ác nghiệp, không tạo thiện căn. Nghiệp thiện ác của đời trước có thể hiểu được rõ ràng dựa trên tình trạng đời này. Tuy nhiên, người (mà phạm tội ngũ nghịch thập ác hay cả một đời) không có thiện tâm, nếu suy nghĩ có thể biết nghiệp đời trước của họ rất ít ỏi.

Chúng ta tội nghiệp tuy nặng, nhưng không tạo ngũ nghịch; thiện căn tuy ít, nhưng thâm tín bản nguyện. Mười niệm của kẻ nghịch ác còn nương túc thiện, huống gì trọn đời xưng niệm, há chẳng nương túc thiện sao? Vì sao? Mười niệm của kẻ nghịch ác, cho rằng là túc thiện sâu dày. Chúng ta trọn đời xưng niệm, có đáng gọi là túc thiện mỏng cạn ư?

Nói “Tiểu trí trở ngại Bồ đề”, thực sự có loại này sao!

(4) Niệm Phật và nhất niệm tín tâm

Người tin tưởng việc niệm Phật nói: “Con đường vãng sanh Tịnh độ lấy tín tâm làm tiên quyết. Người có ‘tín tâm quyết định’, chưa chắc lấy xưng niệm làm trọng yếu. Kinh [Vô Lượng Thọ] đã nói: ‘*nhĩn đến một niệm*’, nên một niệm là đủ. Người tích lũy số biến, trở lại không tin Phật nguyện. Có sự chế nhạo lớn và quả trách sâu đối với người không tin [Phật nguyện].”

²⁸ Ngũ ác nghiệp: (1) Sát sanh, (2) Trộm cắp, (3) Tà dâm, (4) Lừa gạt, ác khẩu, vọng ngữ, ý nghĩ, (5) Uống rượu.

Một là, người chuyên tu niệm Phật mà từ bỏ những sự tu hành của Đại thừa. Hai là, người lập nghĩa ‘nhất niệm’ mà tự dừng sự thực hành niệm Phật. Thật là ma giới gặp lúc thuận tiện, là sự dối gạt chúng sanh thời mạt thế!

Hai thuyết này cùng có sự được mất.

Nói “Nghiệp của sự vãng sanh, một niệm là đủ,” lý này quả đúng. Nói “Người tích lũy số biến, trở lại không tin [Phật nguyện],” lời ấy quá sai.

Do cho rằng “một niệm là ít”, mà nghĩ “chẳng tích lũy số biến, thì khó vãng sanh”. Quả thực là không thể tin được.

“Nghiệp của sự vãng sanh, một niệm là đủ, nhưng thay vì để ngày đêm trôi qua vô ích, tại sao không tích lũy công đức, chẳng phải cần thiết ư?”

Người có sự tư duy mà xưng niệm như vậy, dù trọn ngày xưng, suốt đêm xưng, càng thêm công đức, càng biểu thị nghiệm nhân quyết định.

Hòa thượng Thiện Đạo nói, “*Hết sức thường xưng niệm*”. Người chẳng dùng điều này là người không tin [Phật nguyện]. Ngay cả khi mọi người chế nhạo người này, thì cũng chẳng ích gì khi làm như vậy.

Nói về “nhất niệm”, ở đây là theo Kinh văn. Người không tin điều này thì chẳng tin lời Phật vậy.

Cho nên tin tưởng “nhất niệm quyết định”, hãy nên một đời không biếng nhác niệm Phật, đây mới là chánh nghĩa vậy.

VI. Lời kết.

Yếu nghĩa của sự niệm Phật tuy nhiều, nhưng lược thuật như đây.

Người xem đây, chắc cho thêm sự cười nhạo.

Tuy nhiên, tin tưởng hay hủy báng cùng nhau làm nhân, tất cả đều sẽ vãng sanh Tịnh độ.

Để đánh dấu kế ước trong giấc mơ đời này và để kết duyên trước sự chứng ngộ đời sau, tôi nếu là người đi sau, sẽ tiếp nhận người hướng dẫn, và tôi nếu là người đi trước, thì là người dẫn đạo.

Đời đời làm bạn lành, cùng nhau tu Phật đạo; kiếp kiếp làm thiện tri thức cho nhau, cùng chấm dứt mê chấp.

Bổn Sư Thích Ca Tôn

Bi mẫu Di Đà Phật

Bên trái Quán Thế Âm

Bên phải Đại Thế Chí

Thanh tịnh Đại hải chúng

Pháp giới Tam bảo hải

Chứng minh nhất tâm niệm

Xót thương cùng nghe khen.